

Bản án số: 364 /2020/NHGD-ST

Ngày 31 /12 /2020

V/v ly hôn giữa chị M và anh Dg

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M L - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Lan

Ông Nguyễn Văn Cử

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh- Thư ký TAND huyện M L- thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thanh Dung- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2020 ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M – SN 1994

Nơi cư trú: tổ 1, phường Tr, TP Th, tỉnh T N

*** Bị đơn:** Anh Phan Văn D – SN 1992

Nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện M L, Hà Nội

(Tại phiên tòa chị M có mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 17/11/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:**

Chị kết hôn với anh D năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, hai anh chị có được tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau. Cưới xong chị về làm dâu nhà anh D ngay sống chung cùng gia đình. Vợ chồng ngay từ ban đầu đã không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau xích mích với nhau. Khoảng tháng 5-6 năm 2019 chị đã bỏ về quê H D một lần nhưng anh D gọi về nên chị đã quay về để vợ chồng chung sống. Sau đó vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn nên đến tháng 10/2020 chị lại tiếp tục về quê

sinh sống không quay về nhà anh D nữa. Quá trình mâu thuẫn hai bên đã có rất nhiều biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng xong mâu thuẫn lớn không hàn gắn được, nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: không có

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị M không đề nghị Tòa giải quyết.

** Bị đơn anh Phan Văn D trình bày:*

Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị M đã trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn xong có những mâu thuẫn xích mích nhỏ như cãi nhau, ty lạnh nhau trong công việc và trong sinh hoạt hàng ngày dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Chị M bỏ nhà anh đi anh có gọi chị lại quay về để vợ chồng chung sống, việc bỏ đi này xảy ra vài lần. Gần đây nhất chị M đã bỏ đi từ tháng 10/2020 đến nay, anh có gọi điện thoại nhưng chị M chặn cuộc gọi nên vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hai bên có nói chuyện để hàn gắn và cải thiện nhưng không có tiếng nói chung nên tiếp tục mâu thuẫn. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh không đồng ý vì vẫn còn yêu thương vợ. Hiện nay anh chưa có biện pháp gì cải thiện mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: không có

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: anh D không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa chị M vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh D và không đề nghị giải quyết về tài sản, công sức, công nợ. Anh D vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tại phiên tòa. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M đối với anh D

Áp dụng Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147,271,273, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí,lệ phí Tòa án.

Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phan Văn D. Về con chung không có. Tài sản chung, công sức, công nợ không xem xét, giải quyết.

Về án phí chị M phải chịu theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện xin ly hôn với anh Phan Văn D, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D là bị đơn hiện đang cư trú tại thôn Th- xã Đ- huyện ML- Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện M L theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị M và anh Phan Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện được chính quyền UBND xã Đ- M L- Hà Nội công nhận đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Theo trình bày của chị M, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Chị đã bỏ đi khỏi nhà chồng từ tháng 10/2020 hai bên sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa, chị không còn tình cảm yêu thương anh D. Phía anh D không đồng ý ly hôn vì còn yêu vợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy chị M, anh D trong cuộc sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Chị M bỏ đi khỏi nhà anh D nhiều lần, lần cuối từ tháng 10/2020 đến nay không về nữa. Trong quá trình Tòa án hòa giải đã tạo điều kiện về thời gian để anh D có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả vì chị M không còn tình yêu thương anh D nên không đồng ý đoàn tụ còn anh D mặc dù không muốn ly hôn nhưng vắng mặt tại phiên tòa do đó cơ hội để hàn gắn vợ chồng là không có. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị M, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc cho chị M được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014.

[4] Về con chung: không có

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị M, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải chịu theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227,

Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Phan Văn D
2. Con chung: không có
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết
4. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009885 ngày 26/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M L. Chị M đã nộp đủ.
5. Quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- VKSND M L
- Chi cục THA M L
- Các đ-ơng sự
- UBND xã Đ
- L- u HS, VP..

Lương Thị Diệu Kim

